

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 13-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Ngọc Huệ

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Ch, sinh năm 1994. Tên gọi khác là: Gạo. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Ph, sinh năm 1962 và bà Danh Thị Ng, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 17/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 29/5/2019; Tiền sự: Ngày 07/11/2019 bị công an Thị trấn Vĩnh Hưng xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Về nhân thân: Ngày 05/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 31/8/2015, ngày 19/02/2020, bị cáo bị công an xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang lập biên bản vi phạm hành Chính vì có hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lê Văn Qu, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Công B1, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Ông Lê Văn Ph1, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Đ1, huyện T1, tỉnh Long An.

Ông Lê Sinh Nh1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H1, xã H2, thị xã Ng1, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

Ông Trương Thanh Th2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Cáo trạng số 19/CT-VKSVH ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo Trần Văn Ch về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, với hành vi như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 30/11/2019, tại nhà của ông Th2 ngụ ấp Cả Rung, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, ông Qu hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 62C1-137.69 của anh B1 để đưa bị cáo Ch về thị trấn Vĩnh Hưng. Bị cáo Ch điều khiển xe chở Qu đến khu vực gần nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Hưng (khu phố R, thị trấn V) thì dừng xe để đi vệ sinh. Trong lúc đang đi vệ sinh thì bị cáo Ch nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông Qu nên nói với ông Qu “Tao chạy đi đây cái rồi tao chạy lại rước liền”. Sau đó, bị cáo Ch điều khiển xe chạy thẳng đến quán cà phê Tr ở phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cầm xe cho ông Lê Sinh Nh1 với số tiền 15.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Ông Qu đứng đợi lâu không thấy bị cáo Ch nên gọi điện thoại cho Ch thì không liên lạc được. Ông Qu cùng người thân tìm bị cáo Ch và xe nhưng không tìm được nên trình báo công an xử lý theo quy định pháp luật. Cha của ông Qu là ông Ph1 đã bỏ tiền chuộc xe và giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá huyện Vĩnh Hưng kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, màu đen, biển số 62C1-137.69, số máy G3D4E704731, số khung 0610JY677005 là 30.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng khẳng định bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Ch là đúng người, đúng tội và đề

ng nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Văn Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam trước đó. Về vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô Yamaha, loại xe Exiter, màu đen, biển số 62C1-137.69, số máy G3D4E704731, số khung 0610JY677005, Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho bị hại theo quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 19/5/2020, hiện nay bị hại Qu và chủ sở hữu xe là ông T1, ông B1 đã thỏa thuận xong, nay không có yêu cầu, khiếu nại nên không đề cập.

Về phần trách nhiệm dân sự: Ông Ph1 yêu cầu bị cáo Ch bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo Ch đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Ph1 nên đề nghị áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên.

Đối với hành vi của ông Nh1: Khi nhận cầm xe của bị cáo Ch thì ông Nh1 không biết xe do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi mua ma túy của ông Qu thì ông Qu khai mua của người tên Hoài để sử dụng nhưng không xác định được đầy đủ họ tên, địa chỉ và cũng không thu hồi được gói ma túy nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này.

- Ý kiến của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã được giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng giao và bị cáo cũng không bị ép cung hay nhục hình; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo về hành vi nêu trên là đúng, bị cáo khẳng định lời khai tại phiên tòa là lời khai đúng sự thật của vụ án, một số lời khai trong quá trình điều tra về việc bị hại thiếu tiền và bàn bạc với bị cáo đi cầm xe là hoàn toàn không đúng sự thật; Bị cáo thống nhất với kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 03/3/2020 của Hội đồng định giá huyện Vĩnh Hưng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho ông Ph1.

- Ý kiến của bị hại: Ông Qu khai có mượn xe của ông B1 để đi mua ma túy ở ấp Bình Châu, xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và đưa bị cáo Ch về thị trấn Vĩnh Hưng; Trên đường đi đến đoạn nghĩa trang liệt sĩ Vĩnh Hưng, thuộc khu phố R, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thì bị cáo Ch nói dừng xe để đi vệ sinh, khi đang đi vệ sinh thì bị cáo Ch lấy xe nói chạy đi công chuyện rồi sẽ quay lại rước nhưng sau đó thì không thấy quay lại. Ông đã trình báo sự việc đến cơ quan công an để xử lý theo quy định pháp luật; Hiện nay, ba của ông là ông Ph1 đã bỏ ra 15.000.000 đồng để chuộc xe về giao công an xử lý; Về gói ma túy mà ông Qu mua thì ông không biết người bán họ tên đầy đủ là gì và cũng không biết địa chỉ cụ thể, ông Qu cũng đã làm rơi mất gói ma túy. Tại phiên tòa ông Qu giữ nguyên lời trình bày nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ch.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông B1: Chiếc xe mô tô mà bị cáo Ch đã chiếm đoạt của anh Qu là xe của ông T1 mua cho ông B1 sử dụng do ông T1 đứng tên trong giấy tờ xe, chiếc xe này ông T1 mua vào khoảng tháng 5 năm 2018 với giá 58.000.000 đồng. Hiện nay, ông T1 và ông Ph1 đã thỏa thuận xong theo biên bản thỏa thuận lập ngày 16/12/2019 nên không có yêu cầu trong vụ án này.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ph1: Do con ông là ông Qu có mượn xe của ông B1 là con ông T1 để sử dụng nhưng ông Qu đã bị bị cáo Ch chiếm đoạt xe nên ông đã bỏ ra số tiền 15.000.000 đồng để chuộc xe từ ông Nh1 đem về giao nộp cho cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng xử lý theo quy định pháp luật, ông yêu cầu bị cáo Ch phải bồi thường lại số tiền này cho ông. Liên quan đến chiếc mô tô mà ông Qu đã mượn của ông B1 thì ông và ông T1 đã thỏa thuận xong theo biên bản thỏa thuận lập ngày 16/12/2019 nên không có yêu cầu trong vụ án này. Tại phiên tòa ông Ph1 giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nh1: Khoảng trước tết năm 2019-2020, ông có cầm chiếc xe Yamaha, loại xe Exiter, màu đen, biển số 62C1-137.69, số máy G3D4E704731, số khung 0610JY677005 của bị cáo Ch với giá 15.000.000 đồng, khi cầm xe ông không biết đó là xe của Ch do vi phạm pháp luật mà có, sau khi biết sự việc thì ông đã giao trả lại xe và nhận của ông Ph1 số tiền 15.000.000 đồng. Vì vậy, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Lời khai của người làm chứng ông Th2: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/11/2019 thì ông có đi cùng với một số người ra cổng chào thị trấn Vĩnh Hưng (gần nghĩa trang liệt sĩ) để đón ông Qu vì ông Qu nói đã bị Ch lấy xe đi đâu không biết và ông có cùng mọi người đi tìm Ch nhưng không gặp.

- Thực hiện quyền được nói lời sau cùng bị cáo nói: Bị cáo xin xử mức hình phạt nhẹ để sớm về chăm lo cho cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng nên có căn cứ xác định hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này từ giai đoạn điều tra, truy tố đến xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và điều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1, ông B1, ông Nh1, người làm chứng ông Th2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và các tài liệu chứng cứ liên quan nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên và người làm chứng.

[3] Về hành vi vi phạm: Bị cáo Trần Văn Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được phân tích đánh giá tại phiên tòa, cụ thể như sau: Vào tối ngày 30/11/2019, trên đường điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, màu đen, biển số 62C1-137.69, số máy G3D4E704731, số khung 0610JY677005 chở ông Qu từ xã Tuyên Bình Tây đến thị trấn Vĩnh Hưng, khi đến khu vực nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Hưng (khu phố Rạch Bù, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An), trong lúc dừng xe để đi vệ sinh thì bị cáo Ch đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông Qu nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lúc ông Qu còn đang đi vệ sinh thì bị cáo Ch đã nói dối là “Tao chạy đi đây cái rồi tao chạy lại rước liền”, rồi bị cáo điều khiển xe đến quán Tr ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cầm cố cho ông Nh1 lấy 15.000.000 đồng tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe mô tô nêu trên được Hội đồng định giá huyện Vĩnh Hưng định giá là 30.000.000 đồng, bị cáo thống nhất với giá trị định giá nêu trên.

Bị cáo Ch là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy của ông Qu. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đây là một trong những quyền được Nhà nước ghi nhận và bảo vệ.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn Ch đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cũng phân tích đánh giá về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, cụ thể là xe thuộc quyền quản lý sử dụng của bị hại Qu, đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần xem xét áp dụng cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm khắc để nhằm mục đích giáo dục ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa việc phạm tội mới, đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, thể hiện tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Ch đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “cố ý gây thương tích”, chấp hành án xong ngày 29/5/2019, bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật cho bản thân mà còn tiếp tục có hành vi vi phạm. Vì vậy, theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự thì “*Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý*” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo còn có 01 tiền sự: Ngày 07/11/2019 bị công an Thị trấn Vĩnh Hưng xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 05/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành hình phạt xong ngày 31/8/2015, ngày 19/02/2020, bị cáo bị công an xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang lập biên bản vi phạm hành chính vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử khẳng định cáo trạng số 19/CT-VKS VH ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo Trần Văn Ch về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Chiếc xe mô tô Yamaha, loại xe Exiter, màu đen, biển số 62C1-137.69, số máy G3D4E704731, số khung 0610JY677005 là do bị cáo chiếm đoạt của ông Qu nên Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho ông Qu theo quyết định xử lý vật chứng chứng số 03 ngày 19/5/2020 là có căn cứ; Hiện nay, ông Ph1, ông Qu và ông B1, ông T1 không có yêu cầu hay khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ph1 yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để trả cho ông Nh1 là phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo cũng thống nhất bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[7] Đối với việc ông Qu khai có mua ma túy của người tên Hoài để sử dụng nhưng không xác định được đầy đủ họ tên, địa chỉ và cũng không thu hồi được gói ma túy nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này.

[8] Đối với ông Nh1 khi nhận cầm xe rửa bị cáo Ch thì không biết xe do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nh1.

[9] Về án phí: Do bị cáo Ch có sở hộ nghèo và xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Ch phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và việc thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn Ph1 và bị cáo Trần Văn Ch.

Bị cáo Trần Văn Ch có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn Ph1 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng các điều 12, 14, 15 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn Ch được miễn tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ch, bị hại ông Qu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phú có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông B1, ông Nh1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS, Công an/H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, án văn.

Nguyễn Thị Xuân Liễu